

Số: 01/2026/CBTT-TT

An Giang, ngày 18 tháng 5 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
ĐỀN Số: 17-269
Ngày: 19/5/2026
Chuyên:

Kính gửi: Sở Xây Dựng tỉnh An Giang

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty TNHH Thiên Thanh

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700450655 ngày 21 tháng 6 năm 2004 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu, cấp thay đổi lần 17 ngày 10 tháng 10 năm 2025.

Địa chỉ: Số 78 Trần Hưng Đạo, khu phố 7, Đặc khu Phú Quốc, Tỉnh An Giang

Điện thoại: 02973847195

Mã số thuế: 1700450655

Đáp ứng yêu cầu chung: Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2017

2. Thông tin phòng thí nghiệm:

Địa chỉ: Khu phố cây thông trong, Đặc khu Phú Quốc, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: 02973847195

Web: thienthanhlasxd.com

3. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký đủ điều kiện hoạt động:

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
1.	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023	Sàng (kích thước mắt 0,09) Cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hỏa.	-Nhan Ngọc Hiệp -Phạm Văn Vinh -Huỳnh Tấn Đạt
2.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, tính ổn định thể tích và hàm lượng bọt khí	TCVN 6017: 2015	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đồng, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ cát, cân (1g), máy trộn , thùng lọc mẫu.	
3.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11; AASHTO T106	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dẫn tạo mẫu, máy thử độ bền uốn (10kN±1%), máy thử độ bền nén, gá định vị thử uốn, gá thử cường độ nén.	
II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẠNG			
4.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Côn thử độ sụt, Que chọc, Phễu đổ hỗn hợp,	Nhan Ngọc Hiệp

			Thước lá kim loại dài 80cm chính xác tới 0,5cm.	-Phạm Văn Vinh -Huỳnh Tấn Đạt
5.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022	Cân kỹ thuật , Thước lá kim loại, Cân thủy tĩnh chính xác tới 10g, Bếp điện , Thùng nấu paraffin, Tủ sấy 300 ⁰ C.	
6.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022	Khuôn thép kích thước 200 x 200 x 200mm; Bàn rung tần số 2900 ÷ 3000 vòng phút, biên độ 0,5 ± 0,01mm; Thanh thép tròn đường kính 16mm, dài 600mm, hai đầu múp tròn; Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 10g; Sàng kích thước mắt 5mm. Thước lá kim loại. Tủ sấy 300C, Khay sắt.	
7.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022	Bình khối lượng riêng hoặc bình tam giác 100ml có nút thủy tinh ống dẫn mao quản, Cân phân tích chính xác(0,01g), Búa con, cối chày đồng,Bình hút ẩm, - Tủ sấy 300 ⁰ C,Sàng 2 hoặc 2,5mm,Nước lọc, dầu hỏa, cồn 90 ⁰ .	
8.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật chính xác (5g).Thùng ngâm mẫu, Tủ sấy 300 ⁰ C,Khăn lau mẫu	
9.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	- Cân kỹ thuật (50g), Thước lá kim loại, Cân thủy tĩnh độ chính xác 50g,Bếp điện,Thùng nấu paraffin, tủ sấy 300 ⁰ C	
10.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022	Máy nén,Thước lá kim loại, Đệm truyền tải	
11.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	Máy thử, Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm, Thước lá kim loại	
12.	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022	Máy nén, Bộ gá ép chế mẫu bê tông hình trụ, Gối truyền tải, đệm gỗ.	
13.	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông xi măng- Quyết định số 778/1998/QĐ-BXD -ngày 05/09/1998	TCVN 4453:1995 TCVN 5574:2018	Máy nén, bộ sàng tiêu chuẩn, cân điện tử, tủ sấy, máy trộn, khuôn đúc mẫu...	
III CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM, ĐÁ MI, ĐÁ GÓC, CÁT SAN LẤP				
14.	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006	Cân kỹ thuật độ chính xác 1%; Bộ sàng tiêu chuẩn, kích thước mắt sàng 2,5 mm; 5 mm; 10 mm; 20 mm; 40 mm;	- Nhan Ngọc Hiệp -Phạm Văn Vinh

			70 mm; 100 mm và sàng lưới kích thước mắt sàng 140 μ m; 315 μ m; 630 μ m và 1,25 mm theo Bảng 1, Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ 300c	-Huỳnh Tấn Đạt
15.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	- Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1%; Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ 300c; Bình dung tích, bằng thủy tinh, có miệng rộng, nhẵn, phẳng dung tích từ 1,05 lít đến 1,5 lít và có tấm nắp đáy bằng thủy tinh, đảm bảo kín khí;	
16.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	Cân kỹ thuật, có độ chính xác 0,1%; Cân thủy tĩnh, có độ chính xác 1 %, và có giỏ đựng mẫu; Thùng ngâm mẫu, bằng gỗ hay bằng vật liệu không gỉ; Khăn thấm nước mềm và khô; Thước kẹp; Bàn chải sắt; tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ 300c	
17.	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006	Thùng đựng bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1 l; 2 l; 5 l; 10 l và 20 l, kích thước quy định trong Bảng ; Cân kỹ thuật độ chính xác 0,1%; Phễu chứa vật liệu ; Bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định 300c - Thước lá kim loại; Thanh gỗ thẳng, nhẵn, đủ cứng để gạt cốt liệu lớn.	
18.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1, Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định 300c; Dụng cụ đào mẫu (thìa hoặc dao).	
19.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 0,1 %, Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định 300c; Thùng rửa cốt liệu ; Đồng hồ bấm giây; Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch; Que hoặc kim sắt nhỏ.	
20.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, dung tích 250 ml và 100 ml; Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1 %; Bếp cách thủy, Sàng có kích thước lỗ 20 mm; Thang màu để so sánh;	

			Thuốc thử: NaOH dung dịch 3 %, tananh dung dịch 2 %; rượu êtylic dung dịch 1 %.	
21.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén ;Máy khoan và máy cưa đá; Máy mài nước; Thước kẹp; Thùng hoặc chậu để ngâm mẫu.	
22.	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy nén; xi lanh bằng thép, có đáy rời, cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1%; bộ sàng tiêu chuẩn theo, tủ sấy tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 300c; thùng ngâm mẫu.	
23.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006	Máy Los Angeles, Bì thép, khối lượng từ mỗi viên từ 390 g đến 445 g; Cân kỹ thuật độ chính xác 0,1 %; Bộ sàng, 1,7 mm; Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định 300c	
24.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN7572-13:2006	Cân kỹ thuật độ chính xác tới 0,1%; Thước kẹp cải tiến; Bộ sàng tiêu chuẩn theo, Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định 300c;	
25.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006	Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g, Tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ, Bộ sàng tiêu chuẩn theo 7572-2:06, Kim sắt, kim nhôm, Búa con	
26.	Xác định hàm lượng mica	TCVN7572-20:2006	Cân phân tích độ chính xác 0,01g, Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ, Bộ sàng tiêu chuẩn: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14, Giấy nhám khổ 330mmx210mm, Đũa thủy tinh	
27.	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419-91 ; AASHTO T176	Ổng đóng thủy tinh có chia vạch, quả rọi	
IV THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG				
28.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	Dầu hoả, Bơm chân không (có cả bình hút chân không), Cân kỹ thuật (0,01g), Bình tỷ trọng (100cm ³), Cối chày sứ (đồng), Rây 2mm, Bép cát, Tủ sấy (t ⁰), Tỷ trọng kế, Thiết bị ổn nhiệt, Cốc nhôm hộp nhôm có nắp.	- Nguyễn Thành Đông - Huỳnh Tấn Đạt -Phạm Văn Vinh
29.	Xác định độ ẩm và độ hút	TCVN 4196:	Tủ sấy (t ⁰) đến 300 ⁰ C, Cân kỹ	

	âm	2012	thuật (0,01g), Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), Bình hút ẩm có clorua canxi, Rây (1mm), Cối và chày sứ đầu bọc cao su, Khay men phơi đất, Cân kỹ thuật (0,01g), Rây 0,5mm, Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), Tủ sấy (t ⁰).	
30.	Xác định giới hạn dẻo , giới hạn chảy và chỉ số dẻo	TCVN 4197: 2012	Các tấm kính nhám, Rây (1mm), Cối và chày sứ đầu bọc cao su, Bình thủy tinh có nắp, Cân kỹ thuật (0,01g), Cốc thủy, tinh hộp nhôm có nắp, Tủ sấy (t ⁰), Bát sắt tráng men, Dao để trộn, Dụng cụ Casagrande.	
31.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; TCVN 12790 :2020	Cối đầm nện và cần dẫn búa bằng kim loại, Cân kỹ thuật (0,01g), Sàng (19 mm, 5mm), Bình phun nước, Tủ sấy (t ⁰), , Hộp nhôm, Dao gạt đất, Vò đập đất, Khay (40x60cm), Vải phủ, cối sứ, chày bọc cao su.	
32.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012	Dao vòng bằng kim loại , Thước cặp, Dao cắt có lưỡi thẳng, Cân kỹ thuật (0,01 và 0,1g), Các tấm kính, Dụng cụ xác định độ ẩm, Hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp, Tủ sấy (t ⁰), Bình hút ẩm	
33.	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012 ASTMD2434: 00	Bộ thấm đất cột nước không đổi, Bộ thấm đất cột nước thay đổi, Bảng cấp nước cho bộ thấm, Bình chứa nước	
34.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020	Máy nén CBR, Cối đầm loại to (D=152,4 mm), Chày đầm tiêu chuẩn, Chày đầm cái tiến , Cối CBR, Giá đỡ thiên phân kế,	
V THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN				
35.	Thử kéo vật liệu kim loại	TCVN 197-1: 2014	Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, Thước kẹp (5%mm), Cân kỹ thuật, Thước lá kim loại.	-Nguyễn Thành Đông -Phạm Văn Vinh
36.	Thử uốn vật liệu kim loại	TCVN 198: 2008	Máy kéo, uốn thử vạn năng và phụ kiện (Kính lúp, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)	
37.	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310: 2010	Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, Thước kẹp (5%mm), Dụng cụ Palme (1%mm), Cân kỹ thuật (0,1g), Thước lá kim loại.	
38.	Thử phá hủy mối hàn kim	TCVN 8311:	Máy kéo thử vạn năng, thiết bị	



	loại – Thử kéo dọc	2010	khắc vạch mẫu, Thước kẹp (5%mm), Dụng cụ Palme (1%mm), Cân kỹ thuật (0,1g), Thước lá kim loại.	
VI THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA				
39.	Thí nghiệm Marshall (độ ổn định, chỉ số dẻo, độ cứng qui ước)	TCVN 8860-1 : 11	Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall kèm đồng hồ đo độ chảy, đầm tạo mẫu BTN, khuôn, kích tháo mẫu, bể ổn nhiệt, bếp đun, chảo trộn, tủ sấy, nhiệt kế, cân 5kg * 0,01g; 10Kg * 1g; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ.	-Huỳnh Tấn Đạt -Phạm Văn Vinh
40.	Hàm lượng bitum trong bê tông nhựa bằng PP chiết	TCVN 8860-2 : 11	Máy li tâm tách nhựa, tủ sấy, giấy lọc, cân điện tử chính xác 0,01g; ống đong 1L và 100ml, cốc nung, bình hút ẩm, C ₂ HCl ₃ , (NH ₄) ₂ CO ₃ và các dụng cụ khác	
41.	HL bitum và các thành phần hạt trong hỗn hợp BTN theo PP nhanh	TCVN 8860-3 : 11	Bộ sàng, cân chính xác 0,1%, tủ sấy.	
42.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của BTN ở trạng thái rời	TCVN 8860-4: 11	Bình hút chân không, bình chứa mẫu, áp kế chân không, bơm hút chân không, cân chính xác 0,1%, nhiệt kế chính xác 1 ⁰ C, Tủ sấy, khay và các dụng cụ phụ trợ	
43.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của BTN đã đầm nén	TCVN 8860-5: 11	Cân chính xác 0,1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế chính xác 1 ⁰ C.	
44.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6: 11	Tủ sấy có thông gió với thang nhiệt 110 - 175 ⁰ C, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân chính xác 0,1g, chảo, bay.	
45.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7: 11	Ống đong bằng thép hoặc bằng đồng D39 * H86mm dung tích 100ml, phễu kim loại, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt, cân chính xác 0,1g.	
46.	Xác định hệ số lu lèn	TCVN 8860-8: 11	Phương pháp tính toán	
47.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9: 11	Phương pháp tính toán	
48.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10: 11	Phương pháp tính toán	
49.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11: 11	Phương pháp tính toán	
50.	Xác định độ ổn định của BTN	TCVN 8860-12: 11	Phương pháp tính toán	
51.	Thiết kế hỗn hợp bê tông	TCVN	Máy nén marshall, máy đầm,	

	nhựa nóng theo phương pháp Marshall	8820:2011 TCVN 13567:2022 TCVN 12759-1,2:2020 TCVN 12817:2019 TCVN 12818:2019	máy ly tâm, máy khoan, bộ sàng...	
VII THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM				
52.	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005	- Máy đo độ kim lún, kim nặng 100g, Đồng hồ bấm dây, nhiệt kế 50°C (0,1°C), Chậu nhôm đáy phẳng (Φ 55, cao 35mm), Bình chứa cốc mẫu (≥Φ 90, cao ≥55mm), Chậu đựng nước (15l), Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu để đun chảy nhựa, Thiết bị điều hòa nhiệt độ.	-Huỳnh Tấn Đạt -Phạm Văn Vinh
53.	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005	Máy kéo dài (5cm±0,5cm/ph), Khuôn bằng đồng, Nhiệt kế 50°C (0,1°C), Chậu đựng nước (15l), Thiết bị gia nhiệt bếp ga, bếp điện hay bếp dầu hỏa, đun chảy nhựa, Dao cắt, gọt nhựa	
54.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005	Khuôn tròn có đk trong Φ 15.9 ± 3mm cao 6.4 ± 4mm để chứa nhựa đường, Bi thép (Φ 9,5±0,03mm), nặng 3,5±0,05g, Khuôn treo, Vòng dẫn hướng của bi thép, Bình thủy tinh có dung tích 800ml, Dao cắt, dùng cắt nhựa, Nhiệt kế (200°C, chia 0,5°C), Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu để đun chảy nhựa, Dụng cụ và hóa chất cần dùng, Ethylene glycol có điểm sôi giữa 193°C÷ 204°C, Vadolin (glixerin) để bôi trơn, Nước đá.	
55.	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005	Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa của nhựa đường, Nhiệt kế (400°C, chia 0,5°C), Đồng hồ bấm giây, Bình ga gia nhiệt	
56.	Xác định lượng tồn thất sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005	Thiết bị đo kim lún, kim xuyên, cốc mẫu, thùng đựng nước, nhiệt kế	
57.	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005	Dụng cụ lọc (cốc Gooch, đệm thủy tinh, ống lọc, ống cao su), bình tam giác, tủ sấy,	

			bình hút âm, cốc phân tách	
58.	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005	Bình tỷ trọng, chậu ổn nhiệt, nhiệt kế, cốc thủy tinh, nước cất đã khử ion.	
59.	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005	Cốc mỏ 1000lm, bếp điện, đồng hồ bấm giây, tủ sấy, giá treo mẫu và các viên đá 20x40mm	
VIII THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				
60.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao dai	22TCN 02-71	Dao dai tròn bằng thép hay đồng (dung tích 100-200cm ³), Cân đĩa 5kg độ nhậy(1-2g), Cân đĩa 0,5kg độ nhậy(0,1g), Dao gạt đất lưỡi phẳng, Hộp nhôm, Vazolin hoặc mỡ dê bôi trơn, Chảo sấy hoặc cồn đốt >90°, Búa đóng loại 0,5kg, gỗ đệm	-Phạm Văn Vinh -Nguyễn Thành Đông
61.	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:2006	Phễu rót cát: (bình chứa cát, phễu, đế định vị), Cát chuẩn, Cân cân được 15kg chính xác 1,0g, Cân cân chính xác 0,01g, Cồn, Bộ sàng lỗ sàng 2,36;1,18;0,6;0,3mm, Các dụng cụ khác (dao, đục, thìa, xô có nắp, hộp đựng mẫu, chổi lông	
62.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11	Thước phẳng 3m, calip đo chênh cao	
63.	PP thử nghiệm XD modul đàn hồi "E"nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế, Cân Benkenman hoặc cân đo độ võng Xe chất tải	
64.	XD môđun đàn hồi "E"chung của áo đường bằng cân Ben kelman	TCVN 8867:11	Cân Benkenman, Xe đo (xe tải- trục đơn bánh kép khe hở giữa 2 bánh đôi 5cm-trọng lượng trục 10.000daN.	
65.	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Kích thủy lực, Bộ dầm chất tải, tải trọng, bộ gá đồng hồ so, gá từ.	
66.	Thí nghiệm Bentonite	TCVN 11893:2017	Bộ đo tỷ trọng, phễu đo độ nhớt Marsh, thiết bị đo hàm lượng cát, thiết bị đo lượng mất nước.	
IX THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG				
67.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2022	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; bàn dằn vữa, thước kẹp	-Nhan Ngọc Hiệp -Phạm Văn Vinh
68.	Xác định khối lượng thể	TCVN 3121-6:		

	tích của vữa tươi	2022		-Huỳnh Tấn Đạt
69.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; bàn dần vữa, thước kẹp	
70.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022	Cân độ chính xác đến 1g, thùng đông	
71.	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN3121-10: 2022	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ; Thước kẹp có độ chính xác 0,1 mm; Cân thủy tĩnh.	
72.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN3121-11: 2022	Khuôn bằng kim loại, có hình lăng trụ. Chày đầm mẫu, được làm từ vật liệu không, Thùng bảo dưỡng mẫu, Mảnh vải cotton, Tấm kính, Máy thử uốn, có khả năng chịu tải đến 5 KN, Máy thử nén có khả năng tạo lực nén đến 100 KN, Tấm nén phải đảm bảo phẳng, khe hở bề mặt giữa 2 tấm nén không lớn hơn 0,01mm;	
73.	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN3121-18: 2022	Cân kỹ thuật (1g), Thùng ngâm mẫu, Tủ sấy 200 ⁰ C, Khăn lau mẫu, Thước lá	
74.	Xác định thành phần cấp phối vữa xi măng	TCVN 4459:1987	Máy nén, máy trộn vữa, cân điện tử, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy....	
X THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY				
75.	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09	Thước thẳng, thước lá..	-Nhan Ngọc Hiệp -Phạm Văn Vinh -Huỳnh Tấn Đạt
76.	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09	Máy nén thủy lực, máy cưa để tạo mẫu thử, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay, chảo ... trộn vữa xi măng.	
77.	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3: 09	Máy thử uốn hoặc nén, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay chảo	
78.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4: 09	Tủ sấy tới 300 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	
79.	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5: 09	Tủ sấy tới 300 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, bình cao cổ để xác định khối lượng riêng, cân kỹ thuật 500g chính xác các 0.01g, 500ml dầu hỏa.	

80.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, thước đo có độ chính xác tới 1mm,	
XI THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLOC BÊ TÔNG				
81.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:16	Thước thẳng, thước lá..	-Nhan Ngọc Hiệp -Phạm Văn Vinh -Huỳnh Tấn Đạt
82.	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:16	Máy nén thủy lực, máy cưa để tạo mẫu thử, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay, chảo ... trộn vữa xi măng	
83.	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:16	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, thước đo có độ chính xác tới 1mm,	
84.	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:16	Tủ sấy tới 300 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu	
XII THỬ NGHIỆM GẠCH GRANITO				
85.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6074:1995	Thước thẳng, thước lá..	-Nhan Ngọc Hiệp -Phạm Văn Vinh -Huỳnh Tấn Đạt
86.	Xác định độ mài mòn lớp mặt	TCVN 6074:1995	Máy mài mòn gạch, thước kẹp, thước lá	
87.	Xác định độ chịu lực xung kích	TCVN 6074:1995	Bi sắt, thước ống dài chính xác đến 1mm	
88.	Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995	Chìa vạch bằng đồng có kích thước 5mm	
XIII GẠCH TERAZO				
89.	Xác định kích thước cơ bản kiểm tra khuyết tật ngoại quan, đội sai lệch về kích thước và hình dạng sản phẩm, xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013	Thước lá, máy nén, máy cắt mẫu, tủ sấy, cân kỹ thuật..	-Nhan Ngọc Hiệp -Phạm Văn Vinh -Huỳnh Tấn Đạt
90.	Xác định độ bền uốn	TCVN 6355-3:09	Máy thử uốn hoặc nén, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay chảo	
91.	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 7744:2013	Máy mài mòn	
XIV THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA				
92.	Xác định hình dáng bên ngoài	TCVN 12884:2020	Kính phóng đại, bộ sàng kỹ thuật, chày giã đầu bịt cao su, bình đựng nước, bình hút âm, cân kỹ thuật, bát sứ, tủ sấy, lò nung, bình tỷ trọng, nhiệt kế, giàu hoá, dao thép.	-Phạm Văn Vinh -Nguyễn Thành Đông -Huỳnh Tấn Đạt
93.	Xác định thành phần hạt			
94.	Xác định lượng mất khi nung			
95.	Xác định hàm lượng nước			
96.	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất			

97.	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất			
98.	Xác định hệ số hấp nước			
99.	Xác định hàm lượng chất hoà tan trong nước			
100.	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường			
101.	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng rư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường			
102.	Xác định chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng			

Công ty TNHH Thiên Thanh chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung công bố, cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hà Ngọc Tiến

★
GIANG